

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT  
Ngày: 17-02-2023  
V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đức Quang

*Các Thẩm phán:* Bà Trịnh Thị Thiện và bà Nguyễn Thị Thương Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TBTL - TA ngày 17 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 03/02/2023 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:**

1. Bà Thái Thị M; sinh năm: 1944. Địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

2. Ông Thái Tùng L; sinh năm: 1952. Địa chỉ: Xóm M, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

3. Bà Thái Thị Đ; sinh năm: 1953. Địa chỉ: Xóm 01, xã Quang D, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

4. Bà Thái Thị P; sinh năm: 1958. Địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Thái Tùng L, Thái Thị Đ, Thái Thị P:* Bà Thái Thị M, sinh năm: 1944; Địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

**\* Bị đơn:** Ông Thái Văn M; sinh năm: 1963. Nơi cư trú: Xóm V, xã Sơn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Phó trưởng phòng TN&MT huyện; Có mặt.

2. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh H - Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H, chức vụ: Giám đốc; Có mặt.

3. UBND xã S, huyện H; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Kiến Q; chức vụ: Phó Chủ tịch; Có mặt.

4. Bà Hồ Thị K; sinh năm: 1961. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

5. Ông Thái Văn L; sinh năm: 1967. Địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

6. Anh Thái Văn T; sinh năm: 1970. Địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

7. Chị Thái Thị Q; sinh năm: 1972. Địa chỉ: Thôn 06, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

8. Chị Thái Thị S; sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

9. Ông Hồ Văn H; sinh năm: 1964. Địa chỉ: Xóm H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

10. Ông Hồ Văn T; sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 05, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

11. Chị Hồ Thị Hải V; sinh năm: 1973. Địa chỉ: Xóm Tân T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

12. Chị Hồ Thị N; sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn 05, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

13. Hồ Văn T; sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn Ngọc T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

14. Bà Phan Thị Hồng Q; sinh năm: 1967. Địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

**\* *Những người làm chứng*:**

1. Ông Hồ Sỹ C, sinh năm: 1957; địa chỉ: Xóm V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1949; địa chỉ: Xóm Vọng S, xã Sơn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

**\* *Người kháng cáo*:** Ông Thái Văn M, chị Thái Thị S, anh Thái Văn T, chị Thái Thị Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị M, ông Thái Tùng L, bà Thái Thị Đ và bà Thái Thị P, trình bày: Cụ Thái Văn Đ (chết năm 1966) và cụ Nguyễn Thị P (chết năm 2000) là vợ chồng, cả hai người khi chết đều không để lại di chúc. Trong thời kỳ hôn nhân cụ Đ và cụ Phúc có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 875m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 575m<sup>2</sup> đất vườn), bản đồ giải thửa 299, sổ mục kê, tờ trình xin phê duyệt cấp đất ngày 16/8/1995 và Quyết định 210/QĐ-*

UB, ngày 22/9/1995 của UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) cho bà Nguyễn Thị P (hiện nay GCNQSDĐ anh Thái Văn M giữ), nhưng diện tích thực tế còn 810m<sup>2</sup>, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng ổn định lâu dài, không vi phạm quy hoạch, không có tranh chấp. Cụ Điều và cụ Phúc có 09 người con gồm:

- + Ông Thái Văn Đ (sinh năm: 1935, chết năm 1938);
- + Ông Thái Văn Lý (sinh năm: 1940, chết năm 1998) có vợ bà Trần Thị C (sinh năm: 1948, chết năm 2008), sinh ra 05 người con, gồm: Ông Thái Văn M, sinh năm: 1963; anh Thái Văn L, sinh năm: 1967; anh Thái Văn T, sinh năm: 1970; chị Thái Thị Q, sinh năm: 1972 và chị Thái Thị S, sinh năm: 1976.

- + Ông Thái Văn H (sinh năm: 1945, chết năm: 1968).
- + Bà Thái Thị P (sinh năm: 1938, chết năm: 1963) có chồng ông Hồ Xuân Q (sinh năm: 1936, chết năm 2013), sinh ra 01 người con bà Hồ Thị K, sinh năm: 1961.

- + Bà Thái Thị K, (sinh năm: 1942, chết năm 2013) có chồng ông Hồ Văn T (sinh năm: 1940, chết năm 2022), sinh ra 05 người con, gồm: Ông Hồ Văn H, sinh năm: 1964; ông Hồ Văn T, sinh năm: 1969; chị Hồ Thị Hải V, sinh năm: 1973; chị Hồ Thị N, sinh năm: 1976 và anh Hồ Văn T, sinh năm: 1978.

- + Bà Thái Thị M; sinh năm: 1944.
- + Ông Thái Tùng L; sinh năm: 1952.
- + Bà Thái Thị Đ; sinh năm: 1953.
- + Bà Thái Thị P; sinh năm: 1958.

Do cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P chết không để lại di chúc, đồng thời các đồng thừa kế không tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nên bà M, ông L, bà Đ, bà P yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật, cụ thể: Chia theo pháp luật di sản thừa kế đất bao gồm 810m<sup>2</sup>, thửa đất số 579 tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P cho các đồng thừa kế. Đối với các tài sản gắn liền với đất thì tài sản sau khi chia thuộc diện tích đất của người nào thì người đó được hưởng. Ngoài tài sản trên thì cụ Đ, cụ P còn có 02 thửa đất ruộng tại Ruộng Dè và Mu Mao nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Thái Thị M và ông Thái Tùng L yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P và có trách nhiệm trả bằng tiền phần giá trị kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật.

Bà Thái Thị Đ và bà Thái Thị P yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, thôn V, xã S, huyện H, GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P. Nhưng bà Đ tặng lại phần di sản thừa kế bà được hưởng cho ông L, còn bà P cũng tặng lại phần di sản thừa kế bà được hưởng cho bà M.

Bà Thái Thị M và ông Thái Tùng L đều đồng ý nhận phần di sản thừa kế

được các hàng thừa kế cho.

*\* Tại các văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn M trình bày:*

Thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, diện tích 875m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 575m<sup>2</sup> đất vườn), tại thôn Vọng S, xã S GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P là tài sản của cụ Đ và cụ P, nhưng cụ P đã giao lại bằng miệng quyền thừa kế và GCNQSDĐ thửa đất cho ông M, vì ông là người đã trực tiếp phụng dưỡng cụ P khi còn sống, hơn nữa sau khi cụ Phúc mất thì ông M là người sử dụng diện tích đất này, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thửa đất, cũng là người thờ phụng cụ Đ, cụ P, ông Đ (con) và ông H. Hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ, bà P yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ P, cụ Đ để lại thì ông M đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ông M vì cụ P đã cho ông M thừa kế vì mục đích chung là xây dựng nhà thờ và hương khói cho ông bà tổ tiên. Ông M không có ý kiến gì về phần di sản thừa kế được các hàng thừa kế tặng cho.

*\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn T, ông Hồ Văn H, ông Hồ Văn T, anh Hồ Văn T, chị Hồ Thị N, chị Hồ Thị Hải V đều trình bày:* Thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P là tài sản chung của cụ Đ và cụ P. Thời điểm cụ Đ, cụ P chết không để lại di chúc, hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P để lại thì ông T, ông H, ông T, anh T, chị N và chị V cũng đồng ý theo ý kiến các nguyên đơn và đồng ý chia đều cho các con thành kỷ phần bằng nhau. Riêng đối với kỷ phần của ông T, ông H, ông T các ông xin được nhận bằng hiện vật và tặng cho ông L, vì ông L hiện nay là con trai duy nhất còn sống của cụ Đ, cụ P và có hoàn cảnh khó khăn. Còn đối với kỷ phần của anh T, chị N, chị V thì anh T, chị N và chị V xin được nhận bằng hiện vật và tặng cho bà M, vì bà M hiện nay hoàn cảnh khó khăn và không có chỗ ở nào khác.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T trình bày:* Thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P là tài sản chung của cụ Đ và cụ P. Thời điểm cụ Đ, cụ P chết không để lại di chúc, hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P để lại thì ông ông Tam cũng đồng ý theo ý kiến các nguyên đơn. Ông T đồng ý chia đều cho các con thành kỷ phần bằng nhau. Riêng đối với kỷ phần của ông T thì ông xin được nhận bằng hiện vật và không tặng cho ai.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn L trình bày:* Thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P là tài sản chung của cụ Đ và cụ P. Thời điểm cụ Đ, cụ P chết không để lại di chúc, hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P để lại thì ông Lê cũng đồng ý theo ý kiến các nguyên đơn. Ông Thái Văn L đồng ý chia đều cho các con thành kỷ phần bằng nhau. Riêng đối với kỷ phần

của ông L thì ông L xin được nhận bằng hiện vật và tặng cho ông L, ông M, bà M mỗi người 1/3 kỷ phần thừa kế mà ông L được hưởng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị K trình bày:* Thừa đất số 579, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P là tài sản chung của cụ Đ và cụ P. Thời điểm cụ Đ, cụ P chết không để lại di chúc, hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P để lại thì bà K cũng đồng ý theo ý kiến các nguyên đơn. Bà Hồ Thị K đồng ý chia đều cho các con thành kỷ phần bằng nhau. Riêng đối với kỷ phần của bà K thì bà K xin được nhận bằng hiện vật và tặng cho ông M, bà M mỗi người 1/2 kỷ phần thừa kế mà bà K được hưởng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Q trình bày:* Thừa đất số 579, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995 mang tên Nguyễn Thị P là tài sản chung của cụ Đ và cụ P. Thời điểm cụ Đ, cụ P chết không để lại di chúc, hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P để lại thì chị Q không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật vì đây là đất của ông, bà tổ tiên nên để xây nhà thờ. Trường hợp các bên vẫn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P thì chị Q không đồng ý chia hay cho ai nhượng lại phần di sản này cho bất kỳ người nào trong các hàng thừa kế.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng Q (vợ bị đơn ông M) trình bày:* Thừa đất số 579, tờ bản đồ số 02, tại thôn V, xã S, huyện H GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995, mang tên Nguyễn Thị P là tài sản chung của cụ Đ và cụ P. Thời điểm cụ Đ, cụ P chết không để lại di chúc, hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ P để lại thì bà Q không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật vì đây là đất của ông, bà tổ tiên nên yêu cầu chia thành 03 phần, một phần để làm nhà thờ, một phần bán lấy tiền xây dựng nhà thờ và một phần các hàng thừa kế tự thỏa thuận. Bà Phan Thị Hồng Q không yêu cầu các hàng thừa kế phải bồi trả lại cho bà chi phí bà đã đóng thuế đối với diện tích đất nói trên.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện Hương S; Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh H - Đ và UBND xã S khai tại hồ sơ và tại phiên tòa trình bày:* Thừa đất số 579, tờ bản đồ số 02 tại thôn V, xã S, huyện H được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số G245779, ngày 22/9/1995 với diện tích 875m<sup>2</sup> mang tên Nguyễn Thị P. Trong quá trình sử dụng đất gia đình đã hiến một phần diện tích đất để thực hiện việc mở rộng đường liên xã T - P - H, sau khi hiến hiện nay diện tích thửa đất nói trên có tổng diện tích 810m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 510m<sup>2</sup> đất vườn), đất không có tranh chấp. Trong thời gian sử dụng ông Thái Văn M có nộp 109.200 đồng tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là thuộc thửa số 579, tờ bản đồ số 02 GCNQSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị P. Hiện nay các nguyên đơn bà M, ông L, bà Đ và bà P yêu cầu chia di sản

thừa kế của ông Đ, bà P để lại nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

\* *Về điều luật:* Căn cứ các Điều 100, 167, Điều 203 Luật đất đai 2013; Luật hôn nhân gia đình năm 1959; các Điều 649, 650, 651, 652, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 676, Điều 677, Điều 679 BLDS năm 2005; các Điều 609, 610, 611, 612, 618, 620, 623, 627, 628, 629, 649, 651, 652, 688 BLDS năm 2015; Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990; Án lệ số: 05/2016/AL, ngày 06/4/2016 và Án lệ số: 26/2018/AL, ngày 17/10/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Xác định thừa đất số: 579, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 810m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 510m<sup>2</sup> đất vườn), địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995, mang tên Nguyễn Thị P là di sản thừa kế của cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P để lại.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Thái Thị M, ông Thái Tùng L, bà Thái Thị Đ và bà Thái Thị P về việc chia di sản thừa kế của cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P theo quy định pháp luật thừa kế, như sau:

- Chia cho bà Thái Thị M được quản lý, sử dụng 320,4m<sup>2</sup> đất (trong đó 117,4m<sup>2</sup> đất ở và 202,100m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 139.346,050 đồng, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H có tứ cận: Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông (đường nhựa) và lối ngõ vào nhà ông Sơn có chiều rộng 10,6m; Phía Đông Bắc tiếp giáp lối ngõ vào nhà ông S có chiều dài 27,47m; Phía Đông Nam tiếp giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 10,8m; Phía Tây Nam tiếp giáp với phần đất còn lại có chiều dài 27,47m và các loại cây hiện có trên diện tích đất được chia.

Bà Thái Thị M phải đưa lại cho đồng thừa kế chị Thái Thị S số tiền 8.185.900đồng.

- Chia cho ông Thái Tùng L quản lý, sử dụng 272,8m<sup>2</sup> đất (trong đó 101,0m<sup>2</sup> đất ở và 171,8m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 119.885.900 đồng, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H có tứ cận: Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông (đường nhựa) có chiều rộng 9,0m; Phía Đông Bắc tiếp giáp diện tích đất bà M được chia có chiều dài 27,47m; Phía Đông Nam tiếp giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 9,2m; Phía Tây Nam tiếp giáp với phần đất còn lại có chiều dài 27,47m và các loại cây hiện có trên diện tích đất được chia.

Ông Thái Tùng L phải đưa lại cho đồng thừa kế bà Thái Thị Q số tiền 8.185.900đồng.

- Chia cho ông Thái Văn M quản lý, sử dụng 210,8m<sup>2</sup> đất (trong đó 79,5m<sup>2</sup> đất ở và 131,3m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 94.080.650 đồng, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H có tứ cận: Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông (đường nhựa) có chiều rộng là 6,10m; Phía Đông Bắc tiếp giáp diện tích đất ông L được chia có chiều dài 27,47m; Phía Đông Nam tiếp giáp với đất của hộ ông S có chiều rộng 7,10m; Phía Tây Nam tiếp giáp với diện tích đất của hộ ông Trần Văn T có chiều dài 29,72m và các loại cây hiện có trên diện tích đất được chia.

Ông Thái Văn M phải đưa lại cho đồng thừa kế ông Thái Văn T số tiền 8.185.900 đồng và bà Phan Thị Hồng Q số tiền 26.681.600 đồng.

**3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn M, bà Thái Thị S và bà Phan Thị Hồng Q về yêu cầu để lại di sản của cụ Thái Văn Đi, cụ Nguyễn Thị P để làm nơi thờ tự tổ tiên.**

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2022, bị đơn ông Thái Văn M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, cụ thể:

+ Ông Thái Văn M yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để bảo vệ quyền lợi của ông, đồng thời cung cấp chứng cứ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đồng ý cho phân thừa kế của mình.

+ Anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q kháng cáo cho rằng mình không nhận di sản thừa kế nên không có nghĩa vụ phải nộp thuế cho nhà nước.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp di sản thừa kế và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần thứ ba, những người vắng mặt đều đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên các phiên tòa trước những người này đều có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn xem xét đối với nội dung kháng cáo của anh T, chị S, chị Q.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn M thấy rằng:

+ *Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:*

Tài sản tranh chấp là thửa đất số 579, tờ bản đồ số 02, trích lục bản đồ 299, sổ mục kê đất tên Nguyễn Thị P tại: Thôn V, xã S, huyện H có nguồn gốc là của cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P được nhà nước giao đất sử dụng từ năm 1945. Cụ Thái Văn Đ chết năm 1966, cụ P chết năm 2000 đều không để lại di chúc. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh Hội đồng nhà nước số 44-LCT/HĐNN8, ngày 10/9/1990 và điểm b Điều 10 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về pháp lệnh thừa kế; Điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định thời hiệu khởi kiện khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn là có căn cứ.

+ *Về xác định hàng thừa kế:* Cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P có 09 người con gồm: Ông Thái Văn Đ (chết từ nhỏ); bà Thái Thị P (chết năm 1963) có 01 người con là Hồ Thị K; ông Thái Văn H (chết năm 1968); ông Thái Văn L (chết năm 1998) có 05 người con gồm ông Thái Văn M, Thái Văn L, Thái Văn T, Thái Thị Q, Thái Thị S; bà Thái Thị K (chết năm 2013) có 05 người con gồm ông Hồ Văn H, Hồ Văn T, Hồ Thị Hải V, Hồ Thị N, Hồ Văn T và ông Thái Văn H (hy sinh năm 1968); bà Thái Thị M, Thái Thị Đ, bà Thái Thị Ph, ông Thái Tùng L.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất và không có ai có ý kiến gì về nguồn gốc di sản thừa kế là do cụ Đ, cụ P để lại và người được hưởng di sản thừa kế của cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P. Do đó, cấp phúc thẩm không xem xét đối với nội dung này.

+ *Về xem xét công sức tôn tạo, bảo quản, duy trì đối với di sản thừa kế:* Sau khi cụ Đ, cụ P chết thì ông Thái Văn M, bà Phan Thị Hồng Q là người bảo quản, quản lý di sản của cụ Đ, cụ P để lại. Ông M, bà Q không yêu cầu xem xét công sức đóng góp, bảo quản và tiền nộp thuế di sản thừa kế. Tuy nhiên ông M, bà Q không đồng ý chia sản thừa kế nên cấp sơ thẩm căn cứ Án lệ số: 05/2016/AL, ngày 06/4/2016 để xem xét công sức bảo quản, quản lý di sản đối với ông M, bà Q mỗi người được hưởng 7,5% tương đương với diện tích đất mỗi người được hưởng là 60,75m<sup>2</sup> đất (trong đó ông Thái Văn M, bà Phan Thị Hồng Q mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế của ông Đ là 30,285m<sup>2</sup>



gồm: 11,25m<sup>2</sup> đất ở trị giá 12.375.000 đồng, 19,125m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 965.812,5 đồng và 30,285m<sup>2</sup> phần di sản thừa kế của bà P gồm: 11,25m<sup>2</sup> đất ở trị giá 12.375.000 đồng, 19,125m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 965.812,5 đồng).

Sau khi trừ diện tích đất do công sức tôn tạo, bảo quản, duy trì đối với di sản thừa kế cho ông Thái Văn M và bà Phan Thị Hồng Q, cấp sơ thẩm đã xác định phần di sản thừa kế của ông Đ còn lại gồm 344,25m<sup>2</sup> đất trị giá 151.195.875 đồng (trong đó 127,5m<sup>2</sup> đất ở trị giá 140.250.000 đồng, 216,75m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 10.945.875 đồng), di sản thừa kế còn lại của cụ P gồm 344,25m<sup>2</sup> đất trị giá 151.195.875 đồng (trong đó 127,5m<sup>2</sup> đất ở trị giá 140.250.000 đồng, 216,75m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 10.945.875 đồng) để xác định kỹ phần thừa kế chia cho những người được hưởng thừa kế của cụ Đ và cụ P như quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ.

Đối với việc ông Thái Văn M có đề nghị Tòa án cung cấp chứng cứ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đồng ý cho phần thừa kế của mình thấy rằng: Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện bà Thái Thị Đ, bà Thái Thị P, bà Hồ Thị K, ông Thái Bá L, anh Thái Văn T, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Hải V, ông Hồ Văn T, ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn H đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và đồng ý cho phần thừa kế của mình đúng như nhận định của bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q kháng cáo cho rằng mình không nhận di sản thừa kế nên không có nghĩa vụ phải nộp thuế cho nhà nước thấy rằng: Do phần diện tích đất anh Thái Văn T, chị Thái Thị Q, chị Thái Thị S được chia không đủ diện tích để tách thửa nên cấp sơ thẩm đã phân chia phần diện tích đất của anh Thái Văn T cho ông Thái Văn M, đất của chị Thái Thị Q cho ông Thái Tùng L và đất của chị Thái Thị S cho bà Thái Thị M. Đồng thời buộc ông M, ông L và bà M đưa lại giá trị bằng tiền cho anh T, chị S, chị Q mỗi người 8.185.900 đồng tương ứng với phần diện tích đất mà những người này được hưởng. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q mỗi người phải chịu 371.000 đồng án phí sơ thẩm là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn M, anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

[4].Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của ông Thái Văn M, anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn M; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ các Điều 100, 167, Điều 203 Luật đất đai 2013; Luật hôn nhân gia đình năm 1959; các Điều 649, 650, 651, 652, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 676, Điều 677, Điều 679 BLDS năm 2005; các Điều 609, 610, 611, 612, 618, 620, 623, 627, 628, 629, 649, 651, 652, 688 BLDS năm 2015; Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990; Án lệ số: 05/2016/AL, ngày 06/4/2016 và Án lệ số: 26/2018/AL, ngày 17/10/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Xác định thửa đất số: 579, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 810m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 510m<sup>2</sup> đất vườn), địa chỉ: Thôn Vọng S, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh GCNQSDĐ số G245779 do UBND huyện H cấp ngày 22/9/1995, mang tên Nguyễn Thị P là di sản thừa kế của cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P để lại.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Thái Thị M, ông Thái Tùng L, bà Thái Thị Đ và bà Thái Thị P về việc chia di sản thừa kế của cụ Thái Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P theo quy định pháp luật thừa kế, như sau:

- Chia cho bà Thái Thị M được quản lý, sử dụng 320,4m<sup>2</sup> đất (trong đó 117,4m<sup>2</sup> đất ở và 202,100m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 139.346,050 đồng, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H có tứ cận: Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông (đường nhựa) và lối ngõ vào nhà ông S có chiều rộng 10,6m; Phía Đông Bắc tiếp giáp lối ngõ vào nhà ông Sơn có chiều dài 27,47m; Phía Đông Nam tiếp giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 10,8m; Phía Tây Nam tiếp giáp với phần đất còn lại có chiều dài 27,47m và các loại cây hiện có trên diện tích đất được chia.

Bà Thái Thị M phải đưa lại cho đồng thừa kế chị Thái Thị S số tiền 8.185.900đ (tám triệu một trăm tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Chia cho ông Thái Tùng L quản lý, sử dụng 272,8m<sup>2</sup> đất (trong đó 101,0m<sup>2</sup> đất ở và 171,8m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 119.885.900 đồng, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H có tứ cận: Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông (đường nhựa) có chiều rộng 9,0m; Phía Đông Bắc tiếp giáp diện tích đất bà M được chia có chiều dài 27,47m; Phía Đông Nam tiếp giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 9,2m; Phía Tây Nam tiếp giáp với phần đất còn lại có chiều dài 27,47m và các loại cây hiện có trên diện tích đất được chia.

Ông Thái Tùng L phải đưa lại cho đồng thừa kế bà Thái Thị Q số tiền 8.185.900đ (tám triệu một trăm tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Chia cho ông Thái Văn M quản lý, sử dụng 210,8m<sup>2</sup> đất (trong đó 79,5m<sup>2</sup> đất ở và 131,3m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 94.080.650 đồng, địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện H có tứ cận: Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông (đường nhựa) có chiều rộng là 6,10m; Phía Đông Bắc tiếp giáp diện tích đất ông L được chia có chiều dài 27,47m; Phía Đông Nam tiếp giáp với đất của hộ ông Sơn có chiều rộng 7,10m; Phía Tây Nam tiếp giáp với diện tích đất của hộ ông Trần Văn T có chiều dài 29,72m và các loại cây hiện có trên diện tích đất được chia.

Ông Thái Văn M phải đưa lại cho đồng thừa kế ông Thái Văn T số tiền 8.185.900 đồng và bà Phan Thị Hồng Q số tiền 26.681.600 đồng.

*(Diện tích các phần đất và các tài sản gắn liền trên đất chia cho bà Thái Thị M, ông Thái Tùng L và ông Thái Văn M có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).*

**3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn M, chị Thái Thị S và bà Phan Thị Hồng Q về yêu cầu để lại di sản của cụ Thái Văn Đ, cụ Nguyễn Thị P để làm nơi thờ tự tổ tiên.**

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Thái Thị S, bà Thái Thị Q, ông Thái Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Thái Tùng L, bà Thái Thị M, ông Thái Văn M không thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **4. Về án phí:**

*\* Án phí dân sự sơ thẩm :*

+ Buộc ông Thái Văn M phải nộp số tiền: 2.960.500 đồng; anh Thái Văn T phải nộp số tiền: 371.000đồng; chị Thái Thị Q phải nộp số tiền: 371.000đồng ; chị Thái Thị S phải nộp số tiền: 371.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Thái Thị M, ông Thái Tùng L.

+ Bà Phan Thị Hồng Q không phải chịu án phí dân DSST.

*\* Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Thái Văn M, anh Thái Văn T, chị Thái Thị S, chị Thái Thị Q mỗi người phải nộp 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0006361, 0006362, 0006363, 0006364 ngày 11/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Quang**